

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA HÀNH  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/ HNGĐ- ST

Ngày 28-6-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trần Thương.

2. Ông Trần Đây.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi** tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST- HNGĐ, ngày 04/3/2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt tại phiên tòa).

**\* Bị đơn:** Ông Võ Văn L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà T và ông Võ Văn L tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình. Đến tháng 12/1997, tự nguyện đến UBND xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi để đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bản thân ông L không chăm lo làm ăn, thường hay sử dụng rượu bia rồi về nhà đánh đập, bạo lực gia đình đối với bà T. Mặt khác bản thân ông L thường dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm đối với cá nhân

bà T và đối với cha mẹ đẻ của bà T. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2014 mãi đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bản thân bà T thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông L.

Về con chung: Giữa bà T và ông Võ Văn L có ba con chung tên Võ Văn Đ, sinh ngày 12/12/1998; Võ Văn V, sinh ngày 10/4/2001; Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011. Hiện nay, hai cháu Võ Văn Đ và Võ Văn V đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét. Riêng đối với cháu Võ Nguyễn Quỳnh N hiện nay đang ở với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quỳnh N. Và yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*), cho đến khi cháu Quỳnh N đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2019.

Về tài sản chung: Bà T và ông Võ Văn L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà T tự nguyện chịu án phí thuận tình ly hôn.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn L trình bày:*

Về hôn nhân: Ông công nhận giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào tháng 12/1997. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bản thân ông thường xuyên sử dụng rượu bia, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không có hạnh phúc. Ông và bà T sống ly thân nhau từ năm 2014 mãi đến nay, phần ai nấy sống. Nhưng bản thân ông thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T vẫn còn nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống, cùng làm ăn, nuôi dạy các con chung. Nhưng nếu bà T cương quyết ly hôn thì tại phiên tòa hôm nay ông L cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Kim T có ba con chung tên Võ Văn Đ, sinh ngày 12/12/1998; Võ Văn V, sinh ngày 10/4/2001; Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011. Đối với hai con Võ Văn Đ và Võ Văn V đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Đối với con Võ Nguyễn Quỳnh N, ông đồng ý để cho bà T được quyền trực tiếp nuôi con nhưng ông không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay ông không có nghề nghiệp ổn định ai kêu gì thì làm nấy nên thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà T tự nguyện chịu án phí ly hôn ông L đồng ý. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông đồng ý nộp.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 04/3/2019 thụ lý vụ án, đến ngày 28/6/2019 đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 17/5/2019 là chưa thực hiện đúng quy định tại điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 119 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Võ Văn L.

Giao cháu Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011 cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*), cho đến khi cháu Quỳnh N đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2019.

Về tài sản chung: Bà T và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về thuận tình ly hôn nên cần ghi nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với ông Võ Văn L. Bà T, ông L hiện đang làm ăn, sinh sống tại xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào tháng 12/1997 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T và ông L đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng sống bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Ông L thường xuyên sử dụng rượu bia, có lúc bạo lực gia đình đối với bà T. Qua xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã E cung cấp thông tin quá trình chung sống giữa bà T và ông L khẳng định vợ chồng bà T ông L

phần ai nấy sống. Từ năm 2014 mãi đến nay, bà T và ông L tuy còn chung sống một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn, bản thân bà cũng khẳng định hiện tại không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng ông L. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn đối với ông L là có căn cứ.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải ông L không đồng ý ly hôn và mong muốn bà T cho ông cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng bà T không đồng ý và cương quyết ly hôn.

Tại phiên tòa ngày 28/6/2019 ông L đồng ý tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử thấy việc ông L, bà T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Văn L.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Văn L có ba con chung tên Võ Văn Đ, sinh ngày 12/12/1998; Võ Văn V, sinh ngày 10/4/2001; Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011. Hiện nay, Võ Văn Đ và Võ Văn V đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn cháu Võ Nguyễn Quỳnh N chưa đủ 18 tuổi cần có người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con Võ NGuyễn Quỳnh N. Hiện nay cháu Quỳnh N đang học ổn định tại Trường Tiểu học E, huyện R và cháu cũng có nguyện vọng tha thiết được ở với bà T. Bản thân cháu Quỳnh N hiện đang ở trong độ tuổi phát triển, tâm sinh lý của cháu cần có người mẹ quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ.

Tại phiên tòa ông L cũng đồng ý để cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con Võ Nguyễn Quỳnh N. Việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con giữa bà T và ông L là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận của bà T và ông L. Giao cháu Võ Nguyễn Quỳnh N cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Võ Nguyễn Quỳnh N trong điều kiện hiện nay về chi phí sinh hoạt hàng ngày, chi phí học tập. Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng bà T chỉ yêu cầu giải quyết cấp dưỡng mức 700.000 đ/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xét buộc ông Võ Văn L phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng đối với cháu Võ Nguyễn Quỳnh N với mức 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*)/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu Quỳnh N đủ 18

tuổi phù hợp với quy định tại các Điều 82, 83, 107, 110, 116, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Võ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Văn L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Văn L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Ông Võ Văn L phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 55, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Văn L.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Võ Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011.

Buộc ông Võ Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con Quỳnh N đủ 18 tuổi.

Ông Võ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về việc thuận tình ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004329, ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Văn L phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi.
- VKSND huyện R.
- Chi cục THADS huyện R.
- UBND xã E.
- Các đương sự.
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Lê Thị Diệu***